

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 22-8- 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Ngô Đình Bảo Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 88/2017/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017. Về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 12/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tôn Nữ Quỳnh T - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Đỗ Tiến C – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/2/2017 và tại bản khai, nguyên đơn chị Tôn Nữ Quỳnh T trình bày: Chị với anh Đỗ Tiến C cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu hơn 4 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng ở thôn K, xã H, huyện H được khoảng 01 năm

thì về nhà mẹ ruột chị sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ham mê cờ bạc, cá độ bóng đá. Tiền anh C làm được bao nhiêu là dùng hết vào việc bài bạc, cá độ không lo cho gia đình. Chị và gia đình hai bên đã rất nhiều lần nói chuyện, khuyên giải nhưng anh C không chịu thay đổi, và mỗi lần nói chuyện là vợ chồng lại cãi nhau. Chị nhận thấy cuộc sống như vậy không có hạnh phúc và cũng ảnh hưởng đến con rất nhiều. Vì vậy mà vợ chồng chị đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Từ ngày không còn sống chung thì vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc nhưng chỉ cũng là chửi bới, cãi nhau chứ không nói chuyện hàn gắn tình cảm. Khi chị làm đơn chị có lên nhà anh C gặp anh nói chuyện nhưng anh C chửi chị, đuổi chị về rồi nói thích làm gì thì làm, chứ anh là người theo đạo công giáo nên anh không bỏ vợ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Tiên C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Đăng N – sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay con đang ở với anh C.

Trước đây trong đơn khởi kiện và tại bản khai chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Đỗ Đăng N – sinh ngày 02/7/2014, nhưng hiện nay cháu N đang ở với cha nên chị yêu cầu để con tên Đỗ Đăng N – sinh ngày 02/7/2014 cho anh C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của anh C để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh C cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, anh C vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh C. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Anh C có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn anh Đỗ Tiến C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh C.

2/ *Về nội dung*: Chị Tôn Nữ Quỳnh T và anh Đỗ Tiến C cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày anh chị không tôn trọng, tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế cũng như tình cảm, chị T cho rằng anh C không quan tâm gì đến gia đình vợ con, mà chỉ biết ham chơi cờ bạc gây nợ nần. Vợ chồng đối xử lạnh nhạt không quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và anh chị không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng cũng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đề hàn gắn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và yêu cầu được ly hôn anh C. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh C cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa chị T và anh C không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của chị T là có căn cứ, nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Đăng N – sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay con đang ở với anh C. Tại Tòa chị T xác định hiện nay con đang ở ổn định với anh C, nên chị đồng ý để con cho anh C tiếp tục nuôi và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp đúng pháp luật nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Tòa chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, còn anh C thì cố tình lẩn tránh không đến Tòa để đưa ra yêu cầu của mình. Do vậy anh C sẽ được quyền khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án Dân sự khác.

Chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tôn Nữ Quỳnh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Anh Đỗ Tiến C không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72, 73, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tôn Nữ Quỳnh T. Chị Tôn Nữ Quỳnh T được ly hôn anh Đỗ Tiến C.

2/ Về con chung:

- Về nuôi con: Giao con tên Đỗ Đăng N – sinh ngày 02/7/2014 cho Đỗ Tiến C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh C sẽ được quyền khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án Dân sự khác.

Chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Tôn Nữ Quỳnh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011775 ngày 17/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Anh Đỗ Tiến C không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Thị Bạch Tuyết